

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 323/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Nghị quyết số 20/2026/QH16 về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù
nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/QH16 của Quốc hội về cơ chế phối hợp,
chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp
đầu tư quốc tế;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp
để tổ chức, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 20/2026/QH16 về cơ chế phối
hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh
chấp đầu tư quốc tế.*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 7, khoản 5 Điều 9, Điều 13, Điều 14, Điều 17 và Điều 18 của Nghị quyết số 20/2026/QH16 ngày 23 tháng 4 năm 2026 về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (sau đây gọi là Nghị quyết) và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Nghị quyết.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan tài phán là trọng tài Việt Nam, nước ngoài hoặc quốc tế; tòa án Việt Nam, nước ngoài hoặc quốc tế; hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xem xét, quyết định vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo quy định của hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

2. Nguyên đơn trong vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế là tổ chức, cá nhân nước ngoài đã gửi văn bản thể hiện ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự theo quy định của hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

3. Luật sư trong vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế là tổ chức hành nghề luật sư đại diện cho cơ quan nhà nước Việt Nam.

4. Văn bản thể hiện ý định khởi kiện là văn bản của tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cơ quan nhà nước Việt Nam trong đó nêu rõ ý định khởi kiện cơ quan nhà nước Việt Nam ra cơ quan tài phán theo quy định của hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

5. Thông báo trọng tài là văn bản của Nguyên đơn chính thức khởi kiện cơ quan nhà nước Việt Nam ra cơ quan tài phán theo quy định của hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

Chương II

CƠ CHẾ PHỐI HỢP PHÒNG NGỪA TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 3. Trách nhiệm phối hợp trong phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan có trách nhiệm chủ động phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình; thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật; trao đổi, đối thoại với nhà đầu tư nước ngoài để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tránh phát sinh cách hiểu không đúng hoặc khác nhau về chính sách, pháp luật; đồng thời phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan, tổ chức liên quan kịp thời xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Khi nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc Bộ Tài chính hoặc Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và ý kiến về các nội dung liên quan; trường hợp đặc biệt không thể cung cấp, phải có văn bản nêu rõ lý do.

3. Trường hợp nhận định các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài có nguy cơ phát sinh thành tranh chấp đầu tư quốc tế, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao để phối hợp xử lý, phòng ngừa tranh chấp.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan tổng hợp, phân tích về tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài và nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế. Trên cơ sở kết quả tổng hợp, phân tích,

Bộ Tài chính có văn bản thông tin, hướng dẫn và đôn đốc các bộ, ngành, địa phương lưu ý các nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế để chủ động rà soát, xử lý.

5. Trường hợp phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế, việc phối hợp giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết, Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Cơ chế đăng ký đầu tư và trách nhiệm của cơ quan đăng ký đầu tư trong phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về đầu tư.

2. Trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin về ngành, nghề, điều kiện đầu tư kinh doanh; điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; hướng dẫn nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật; kịp thời trao đổi, làm rõ các nội dung có ý kiến khác nhau trong quá trình xử lý hồ sơ;

b) Áp dụng thống nhất, công khai, minh bạch, khách quan, đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục; rà soát, đánh giá tính phù hợp của dự án đầu tư với các quy định của pháp luật có liên quan bảo đảm sự đồng bộ trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư và bảo đảm yếu tố quốc phòng, an ninh;

c) Rà soát, đánh giá các yếu tố pháp lý liên quan đến nhà đầu tư, bao gồm lịch sử khiếu nại, tranh chấp có liên quan (nếu có) nhằm kịp thời nhận diện rủi ro pháp lý và có biện pháp phòng ngừa phù hợp;

d) Thực hiện lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình giải quyết thủ tục đầu tư phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết khiếu nại, kiến nghị và phòng ngừa, xử lý tranh chấp đầu tư quốc tế;

đ) Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh đối với dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt.

Điều 5. Hoạt động xúc tiến đầu tư, đàm phán, ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài

1. Trong quá trình xúc tiến đầu tư, đàm phán, ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm phối hợp, lấy ý kiến cơ quan có liên quan trước khi ký kết thỏa thuận hợp tác với nhà đầu tư nước ngoài đối với các nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của cơ quan khác hoặc có khả năng làm phát sinh nghĩa vụ của Nhà nước.

2. Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức, cá nhân không cam kết, đưa vào thỏa thuận hợp tác cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hoặc nội dung khác vượt thẩm quyền hoặc chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến nguy cơ tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Thông tin, tài liệu giới thiệu, quảng bá trong hoạt động xúc tiến đầu tư chỉ có giá trị tham khảo, không thay thế quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không tạo thành cam kết với nhà đầu tư nước ngoài. Việc triển khai hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài sau khi ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đề xuất những cơ chế, chính sách đặc thù, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hoặc nội dung có khả năng làm phát sinh nghĩa vụ của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải báo cáo hoặc xin ý kiến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước khi ký kết thỏa thuận hợp tác với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp vượt quá thẩm quyền.

Điều 6. Cơ chế tiếp nhận và phản hồi phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài

1. Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan nhà nước là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nhà đầu tư nước ngoài có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài gửi trực tiếp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại tới cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về khiếu nại và tới Cổng thông tin quốc gia về đầu tư. Việc tiếp nhận thông tin qua Cổng thông tin quốc gia về đầu tư không thay thế thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại có trách nhiệm giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật về khiếu nại và các pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài gửi phản ánh, kiến nghị, khiếu nại tới Cổng thông tin quốc gia về đầu tư, Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đầu tư thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài;

b) Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đầu tư chuyển thông tin, hồ sơ, tài liệu kèm theo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời thông báo đến Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tại địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan để phối hợp theo dõi;

c) Theo dõi, tổng hợp tình hình giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cập nhật tình hình, kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư trong phạm vi thông tin được phép công khai.

4. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài gửi phản ánh, kiến nghị, khiếu nại tới Cổng thông tin quốc gia về đầu tư, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, tài liệu do Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đầu tư chuyển đến, cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại có trách nhiệm phối hợp với các bộ, ngành liên quan xử lý các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại; cập nhật tình hình, kết quả xử lý trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư hoặc gửi thông tin cập nhật cho Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đầu tư để theo dõi, tổng hợp; trường hợp vụ việc chưa được xử lý dứt điểm thì tiếp tục cập nhật định kỳ hoặc khi có diễn biến mới, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Khi không đủ căn cứ để giải quyết phản ánh, kiến nghị và khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại có văn bản gửi cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư đề nghị Cơ quan đại diện pháp lý đánh giá rủi ro phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, đề xuất biện pháp xử lý (nếu có). Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, Cơ quan đại diện pháp lý và các bộ, ngành có liên quan, trong thời hạn 10 ngày làm việc từ khi nhận đủ ý kiến, cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp vượt thẩm quyền hoặc có đủ các dấu hiệu sau:

a) Biện pháp nhà đầu tư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, hiệp định đầu tư hoặc cam kết khác với nhà đầu tư nước ngoài;

b) Có nguy cơ phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 7. Quản lý, khai thác dữ liệu phục vụ phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đầu tư có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, cập nhật tình hình, kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư.

2. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu liên quan đến tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư.

3. Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu về phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài tiếp nhận qua Cổng thông tin quốc gia về

đầu tư; thực hiện số hóa dữ liệu, ứng dụng công nghệ số để tổng hợp, phân tích xu hướng theo địa bàn, lĩnh vực đầu tư phục vụ công tác cảnh báo sớm, đánh giá rủi ro và phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế.

Chương III

CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 8. Tiếp nhận, xử lý văn bản thể hiện ý định khởi kiện, thông báo trọng tài

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức nhận được văn bản thể hiện ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài:

a) Trường hợp là Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết và Điều 9 của Nghị định này, chủ động thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 13 của Nghị quyết và Điều 10 của Nghị định này; đồng thời thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đại diện pháp lý trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được;

b) Trường hợp không phải là Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết và Điều 9 của Nghị định này, thông báo bằng văn bản kèm theo toàn bộ tài liệu đã nhận đến Cơ quan chủ trì hoặc Cơ quan đại diện pháp lý (trong trường hợp không xác định được Cơ quan chủ trì) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được.

2. Trách nhiệm của Cơ quan đại diện pháp lý nhận được văn bản thể hiện ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài:

a) Trường hợp xác định được Cơ quan chủ trì theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết, thông báo bằng văn bản kèm theo toàn bộ tài liệu đã nhận đến Cơ quan chủ trì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được toàn bộ tài liệu;

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định Cơ quan chủ trì trên cơ sở khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết và Điều 9 của Nghị định này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được toàn bộ tài liệu.

3. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm chủ động, kịp thời tiếp nhận, xử lý văn bản thể hiện ý định khởi kiện, thông báo trọng tài theo quy định tại Nghị quyết và Nghị định này nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện thống nhất, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hạn chế phát sinh vấn đề phức tạp, bất lợi trong vụ việc tranh chấp.

4. Trong quá trình xử lý văn bản thể hiện ý định khởi kiện quy định tại Điều này, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tiến hành thương lượng, tham vấn

hoặc hòa giải với Nguyên đơn theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan nhằm giải quyết tranh chấp và giảm thiểu nguy cơ phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, bao gồm cơ quan tiến hành tố tụng, có trách nhiệm chủ động, kịp thời phối hợp với Cơ quan chủ trì trong việc xử lý văn bản thể hiện ý định khởi kiện, thông báo trọng tài; cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn thông tin, tài liệu; cử người tham gia phối hợp và thực hiện các yêu cầu của Cơ quan chủ trì bảo đảm bảo vệ quyền và lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hạn chế phát sinh vấn đề phức tạp, bất lợi trong vụ việc tranh chấp.

6. Việc tiếp nhận, xử lý văn bản thể hiện ý định khởi kiện, thông báo trọng tài theo quy định tại Điều này không được hiểu là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận thẩm quyền của cơ quan tài phán liên quan hay chấp nhận nội dung của văn bản thể hiện ý định khởi kiện, thông báo trọng tài.

Điều 9. Xác định Cơ quan chủ trì

1. Trường hợp các biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện liên quan đến hai hoặc nhiều cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết, Cơ quan đại diện pháp lý đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định Cơ quan chủ trì trên cơ sở tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây trong số các cơ quan liên quan đến biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện:

- a) Cơ quan trực tiếp có hoặc đề xuất biện pháp có liên quan nhiều nhất đến nội dung khởi kiện của Nguyên đơn;
- b) Cơ quan đã chủ trì đàm phán, ký hoặc thay mặt Nhà nước, Chính phủ Việt Nam ký hợp đồng, thỏa thuận với Nguyên đơn;
- c) Cơ quan có đội ngũ nhân sự có chuyên môn phù hợp nhất với lĩnh vực liên quan đến biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện tại thời điểm đề xuất.

2. Trường hợp cơ quan trực tiếp có hoặc đề xuất biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện là cơ quan tiến hành tố tụng, Cơ quan đại diện pháp lý đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định Cơ quan chủ trì trên cơ sở tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Cơ quan có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan nhiều nhất đến biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện;
- b) Cơ quan có đội ngũ nhân sự có chuyên môn phù hợp nhất với lĩnh vực liên quan đến biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện tại thời điểm đề xuất.

Điều 10. Trách nhiệm của Cơ quan chủ trì

1. Tiếp nhận, xử lý các thông tin, tài liệu liên quan đến văn bản thể hiện ý định khởi kiện, thông báo trọng tài.

2. Làm đầu mối liên lạc, trao đổi với Nguyên đơn và cơ quan tài phán.

3. Xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành, luật sư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các công việc cần thiết trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, bao gồm:

a) Đề xuất thành lập Tổ công tác liên ngành hoặc Ban Chỉ đạo liên ngành (trong trường hợp cần thiết) về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Xây dựng, thực hiện bản đánh giá ban đầu và chiến lược về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

c) Chỉ định trọng tài viên;

d) Đề xuất, lựa chọn hoặc quyết định luật sư, người làm chứng, chuyên gia và các tổ chức, cá nhân khác cần thiết cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

đ) Thu thập, tổng hợp thông tin, tài liệu, chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

e) Xây dựng, hoàn thiện các bản đề trình gửi cơ quan tài phán;

g) Tham gia phiên xét xử;

h) Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án thương lượng, tham vấn, hòa giải với Nguyên đơn;

i) Đề xuất phương án và tổ chức thực hiện bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán;

k) Đề xuất phương án và tổ chức thực hiện khi có đề nghị xem xét lại bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán;

l) Đề xuất và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

m) Tham gia các giai đoạn khác trong quy trình tố tụng khi giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Chủ động quyết định theo thẩm quyền để bảo đảm thời hạn tố tụng trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân được đề nghị phối hợp nhưng không phối hợp hoặc phối hợp không đúng, không đầy đủ theo yêu cầu.

6. Xây dựng, quyết định tiêu chí, quy trình lựa chọn luật sư tùy theo tính chất phức tạp của từng vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể; đàm phán, ký, quản lý hợp đồng dịch vụ pháp lý với luật sư theo mức phí của thị trường; ủy quyền cho luật sư ký, gửi các văn bản, đệ trình trong quy trình tố tụng.

7. Tạo điều kiện cho thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành, Tổ công tác liên ngành tiếp cận tài liệu, thông tin liên quan; quyết định việc cung cấp thông tin cho cơ quan ngôn luận, báo chí và chịu trách nhiệm về an toàn thông tin, bảo đảm bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Cơ quan đại diện pháp lý và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo quy định tại Nghị định này và khi được yêu cầu.

Điều 11. Trách nhiệm của Cơ quan đại diện pháp lý

1. Làm đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Thực hiện nhiệm vụ được nêu tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định này.

3. Hỗ trợ, tư vấn cho Cơ quan chủ trì về các nội dung sau:

a) Sự cần thiết và thành phần của Ban Chỉ đạo liên ngành, Tổ công tác liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Vấn đề pháp lý trong bản đánh giá ban đầu và chiến lược về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

c) Ứng viên và quy trình chỉ định trọng tài viên;

d) Đề xuất về luật sư, người làm chứng, chuyên gia và các tổ chức, cá nhân khác cần thiết cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

đ) Việc thu thập, tổng hợp thông tin, tài liệu, chứng cứ cần thiết trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

e) Vấn đề pháp lý trong các bản đệ trình gửi cơ quan tài phán;

g) Việc tham gia phiên xét xử;

h) Vấn đề pháp lý và cách thức tổ chức thực hiện phương án thương lượng, tham vấn, hòa giải với Nguyên đơn;

i) Vấn đề pháp lý và cách thức tổ chức thực hiện bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán;

k) Vấn đề pháp lý và cách thức tổ chức thực hiện việc xem xét lại bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán;

l) Vấn đề pháp lý khác trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Xây dựng và thường xuyên cập nhật danh sách trọng tài viên và danh sách luật sư đề Cơ quan chủ trì tham khảo trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Chủ trì hoặc phối hợp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có liên quan về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên cơ sở nhu cầu thực tế.

Điều 12. Ban Chỉ đạo liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo liên ngành) theo quy định của Nghị quyết và Nghị định này.

2. Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành là Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực liên quan đến biện pháp bị kiện tại thời điểm Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành. Phó Trưởng ban là lãnh đạo Cơ quan chủ trì. Thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành gồm đại diện của Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Cơ quan chủ trì là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành. Cơ quan thường trực tổ chức thực hiện các ý kiến của Ban Chỉ đạo liên ngành và giúp việc Ban Chỉ đạo liên ngành thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Ban Chỉ đạo liên ngành có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chỉ đạo toàn diện quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Quyết định các biện pháp xử lý khó khăn, vướng mắc trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

c) Yêu cầu các bộ, ngành và địa phương, các cá nhân và tổ chức liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, cử người làm chứng hoặc chuyên gia phục vụ việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

d) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc giải quyết, tháo gỡ khó khăn trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trong phạm vi thẩm quyền.

5. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban và có trách nhiệm tham gia đầy đủ, hiệu quả các hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành.

6. Thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Ban Chỉ đạo liên ngành tự giải thể sau khi vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế kết thúc.

Điều 13. Tổ công tác liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Căn cứ tính chất và quy mô của từng vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Cơ quan chủ trì quyết định thành lập Tổ công tác liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế (sau đây gọi là Tổ công tác liên ngành) theo quy định của Nghị quyết và Nghị định này.

2. Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là lãnh đạo của Cơ quan chủ trì. Phó Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành gồm các đại diện của Bộ Tài chính, Cơ quan đại diện pháp lý và cơ quan tiến hành tố tụng có biện pháp bị kiện (nếu có). Thành viên Tổ công tác liên ngành gồm đại diện của Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý, cơ quan tiến hành tố tụng có biện pháp bị kiện (nếu có), Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm cử đúng thời hạn người tham gia Tổ công tác liên ngành có đủ thẩm quyền và chuyên môn phù hợp với yêu cầu của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo đề nghị của Cơ quan chủ trì; chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ yêu cầu trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Tổ công tác liên ngành phối hợp với Cơ quan chủ trì thực hiện các công việc quy định tại khoản 4 Điều 10 của Nghị định này.

5. Thành viên Tổ công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng; được tiếp cận đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo nhiệm vụ được phân công, trừ trường hợp pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước có quy định khác; có trách nhiệm tham gia đầy đủ, hiệu quả các hoạt động của Tổ công tác liên ngành.

6. Tổ công tác liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Tổ công tác liên ngành tự giải thể sau khi vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế kết thúc.

Điều 14. Đánh giá ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thể hiện ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành (nếu có), luật sư (nếu có) và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, xây dựng bản đánh giá ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Bản đánh giá ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- a) Tóm tắt vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và cơ sở pháp lý liên quan;
- b) Đánh giá sơ bộ về vụ việc;
- c) Đề xuất việc sử dụng luật sư, chỉ định trọng tài viên;
- d) Đề xuất các phương án xử lý vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó có phương án thương lượng, tham vấn, hòa giải;
- đ) Nhận xét, kiến nghị liên quan.

3. Bản đánh giá ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo quản theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 15. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện của Nguyên đơn, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành (nếu có), luật sư (nếu có) và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành (nếu có), trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Chiến lược bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Tóm tắt vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và cơ sở pháp lý liên quan;
- b) Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của phía Việt Nam;
- c) Tóm tắt quy trình tố tụng của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và nhiệm vụ của Cơ quan chủ trì, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong các giai đoạn của quy trình tố tụng này;
- d) Việc lựa chọn và sử dụng luật sư, chỉ định trọng tài viên;
- đ) Tác động đến ngân sách nhà nước, quốc phòng, an ninh quốc gia;
- e) Đề xuất các phương án xử lý vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó bao gồm phương án thương lượng, tham vấn, hòa giải;
- g) Nhận xét, kiến nghị liên quan.

3. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Cơ quan chủ trì.

4. Cơ quan chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành (nếu có), luật sư (nếu có) và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có thể đề xuất sửa đổi, bổ sung chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế khi cần thiết, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo quản theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 16. Hòa giải

1. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, nếu xét thấy phù hợp, Cơ quan chủ trì đề xuất thực hiện hòa giải theo quy định tại Điều 16 của Nghị quyết.

2. Khi thực hiện hòa giải theo quy định tại Điều 16 của Nghị quyết, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng phương án hòa giải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Tóm tắt vụ việc và cơ sở pháp lý liên quan;
- b) Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của phía Việt Nam;
- c) Biện pháp hòa giải cụ thể;
- d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện biện pháp hòa giải;
- đ) Nhận xét, kiến nghị liên quan.

Điều 17. Cung cấp chứng cứ, cử người làm chứng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu và cử người làm chứng phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đúng thời hạn theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, xác thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp và cử người làm chứng theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ và người làm chứng trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế có trách nhiệm bảo mật toàn bộ thông tin, tài liệu, chứng cứ có được theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và theo yêu cầu tố tụng.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh trong vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trong trường hợp không tuân thủ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 18. Xây dựng các bản đề trình gửi cơ quan tài phán

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành, luật sư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, xây dựng, hoàn thiện các bản đề trình theo quy trình tố tụng của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan nhận được yêu cầu phối hợp của Cơ quan chủ trì có trách nhiệm bảo đảm việc phối hợp đúng, đầy đủ và kịp thời, đáp ứng yêu cầu tố tụng.

3. Cơ quan chủ trì quyết định nội dung tại các bản đề trình bảo đảm thời hạn tố tụng và sự thống nhất về quan điểm trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 19. Tham gia phiên xét xử

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành, luật sư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chủ động chuẩn bị nội dung và quyết định thành phần tham gia phiên xét xử tại cơ quan tài phán, bảo đảm đáp ứng thời hạn tố tụng; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp cần thiết.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng phải cử đại diện tham gia phiên xét xử trong trường hợp vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế có biện pháp bị kiện của cơ quan tiến hành tố tụng và theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì.

Điều 20. Thực hiện bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành, luật sư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án tổ chức thực hiện, bao gồm thời điểm, nội dung và cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Cơ quan đại diện pháp lý, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, luật sư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện thủ tục yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc nước ngoài bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán theo phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Trường hợp bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán xác định cơ quan Việt Nam có nghĩa vụ tài chính đối với Nguyên đơn, Cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp xây dựng phương án chi trả, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện đúng bản án, phán quyết, quyết định.

4. Trường hợp bản án, phán quyết, quyết định yêu cầu cơ quan nhà nước Việt Nam thực hiện chế tài khác ngoài trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này, Cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

Điều 21. Đề nghị xem xét lại bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán

1. Trường hợp sau khi bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán được ban hành, Nguyên đơn đề nghị hủy, xem xét lại bản án, phán quyết, quyết định đó hoặc yêu cầu thủ tục tương tự tại cơ quan tài phán có thẩm quyền, Cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thông báo cho Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xem xét lại;

b) Quyết định tiếp tục sử dụng luật sư đã ký kết hợp đồng trong vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trước đó hoặc lựa chọn, ký kết hợp đồng với luật sư khác;

c) Phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành, luật sư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đánh giá tính chất, phạm vi của thủ tục tố tụng phát sinh, việc thi hành bản án, phán quyết, quyết định của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và xây dựng phương án xử lý; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Trường hợp sau khi bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán được ban hành, cơ quan nhà nước Việt Nam đề nghị xem xét lại bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán, Cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Quyết định tiếp tục sử dụng luật sư đã ký kết hợp đồng trong vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trước đó hoặc lựa chọn, ký kết hợp đồng với luật sư khác;

b) Phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành, luật sư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đề xuất phương án thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Tổ chức thực hiện phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 22. Tổng kết việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

Sau khi vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế kết thúc, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý, Tổ công tác liên ngành, luật sư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm từ vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV

CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 23. Nội dung chi phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 17 của Nghị quyết, bao gồm:

- a) Chi cho hoạt động tổ tụng của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- b) Chi tham vấn chuyên gia trong nước và quốc tế;
- c) Chi thuê luật sư;
- d) Chi cho người làm chứng;
- đ) Chi đi công tác trong nước, nước ngoài phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;
- e) Chi thực hiện thỏa thuận hòa giải; bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán;
- g) Chi phí truy cập phần mềm, cơ sở dữ liệu, mua sắm trực tiếp cơ sở dữ liệu trong nước và nước ngoài phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;
- h) Chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;
- i) Chi các hoạt động khác cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Người đứng đầu Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý và cơ quan thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động được quyền chủ động quyết định và điều chỉnh nội dung chi trong phạm vi ngân sách được giao cho các nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình; đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán, kiểm tra, giám sát và quyết toán theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch và chịu sự hậu kiểm của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Mức chi phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Mức chi theo quy định hiện hành được áp dụng cho các nội dung chi sau:

- a) Chi đi công tác phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; chi đi công tác của người làm chứng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

b) Chi cho người làm chứng là người Việt Nam và không hưởng lương từ ngân sách nhà nước đi công tác trong nước hoặc nước ngoài bằng mức chi công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác trong nước hoặc công tác ngắn hạn ở nước ngoài tương ứng với từng trường hợp;

c) Chi các hoạt động khác cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Mức chi theo thực tế được áp dụng cho các nội dung chi sau:

a) Chi cho hoạt động tố tụng của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo thông báo chi phí của cơ quan tài phán; cơ quan quản trị vụ kiện; tổ chức được cơ quan tài phán, các bên tranh chấp lựa chọn để hỗ trợ thực hiện các bước tố tụng; cơ quan có thẩm quyền khác;

b) Chi tham vấn, thuê chuyên gia trong nước và quốc tế được chi trả theo hợp đồng ký giữa Cơ quan chủ trì hoặc luật sư với chuyên gia;

c) Chi thuê luật sư được chi trả theo hợp đồng được ký giữa Cơ quan chủ trì với luật sư;

d) Chi cho người làm chứng là người nước ngoài: Chi trả chi phí đi lại, ăn, ở theo hợp đồng được ký giữa luật sư với người làm chứng;

đ) Chi bù đắp tổn thất về ngày công lao động cho người làm chứng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế: Người đứng đầu Cơ quan chủ trì xem xét, quyết định trên cơ sở xác nhận của tổ chức nơi người làm chứng làm việc về số thu nhập bị tổn thất;

e) Chi thực hiện thỏa thuận hòa giải theo nội dung của thỏa thuận hòa giải; chi thực hiện bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán theo nội dung bản án, phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán;

g) Chi phí truy cập phần mềm, cơ sở dữ liệu, mua sắm trực tiếp cơ sở dữ liệu trong nước và nước ngoài phục vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo thông báo của tổ chức cung cấp dịch vụ;

h) Chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo như đối với hội nghị quốc tế tổ chức theo hình thức luân phiên.

Điều 25. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, đầu tư công, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số, pháp luật liên quan và các quy định sau:

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đại diện pháp lý cho Chính phủ được bố trí trong kinh phí hoạt động hằng năm của Bộ Tư pháp.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được bố trí trong dự toán hằng năm của cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chủ trì phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

c) Kinh phí cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế từ ngân sách nhà nước được tổng hợp vào quyết toán hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Đối với việc mua sắm trực tiếp cơ sở dữ liệu trong nước và nước ngoài phục vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan chủ trì chi trả trực tiếp các chi phí được quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định này cho các đối tượng liên quan hoặc thông qua luật sư trên cơ sở hóa đơn, chứng từ phù hợp và hợp đồng với luật sư.

Điều 26. Thực hiện chế độ, chính sách cho người làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Khoản hỗ trợ hằng tháng theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 18 của Nghị quyết được ngân sách nhà nước bảo đảm và do cơ quan quản lý người được hưởng chi trả cùng kỳ lương. Khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Người có vị trí việc làm về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các bộ, ngành, địa phương được hưởng hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị quyết. Người đứng đầu cơ quan có vị trí việc làm về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế quyết định danh sách người được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản này.

3. Người trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý được hưởng hỗ trợ hằng tháng bằng 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) đối với thời gian tham gia trực tiếp giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Người tham gia Tổ công tác liên ngành được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) theo quy định tại khoản 4 Điều 18 của Nghị quyết. Người đứng đầu cơ quan cử người tham gia Tổ công tác liên ngành quyết định danh sách người được hưởng hỗ trợ tương xứng với mức độ tham gia và thời gian hưởng hỗ trợ (thời gian thực tế trực tiếp thực hiện giải quyết vụ việc), trong phạm vi thời gian nêu tại khoản 5 Điều này.

5. Thời gian xét hưởng hỗ trợ theo khoản 3 và 4 Điều này được xác định theo tháng, cụ thể như sau:

a) Thời điểm bắt đầu: Thời điểm Hội đồng trọng tài được thành lập hoặc khi tòa án có thẩm quyền ra thông báo thụ lý vụ án hoặc cơ quan khác có thẩm quyền ra văn bản tương đương xác nhận vụ việc được tiếp nhận giải quyết;

b) Thời điểm kết thúc: Thời điểm cơ quan tài phán ban hành bản án, phán quyết, quyết định cuối cùng về việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Người đứng đầu Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý quyết định danh sách người được hưởng hỗ trợ theo khoản 3 Điều này và thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể, tương xứng với mức độ tham gia của người được hưởng chế độ hỗ trợ, trong đó:

a) Người trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế là người thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 10 (trừ khoản 3) hoặc khoản 3 Điều 11 của Nghị định này;

b) Thời gian được hưởng hỗ trợ là khoảng thời gian thực tế trực tiếp thực hiện giải quyết vụ việc, trong phạm vi thời gian nêu tại khoản 5 Điều này.

7. Người đứng đầu Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý và Cơ quan cử người tham gia Tổ công tác liên ngành chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý trong việc xác định người và thời gian được hưởng hỗ trợ quy định tại Điều này.

8. Cơ quan có người được hưởng chính sách quy định tại Điều này có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan có thẩm quyền để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trước ngày 01 tháng 5 năm 2026 mà chưa có bản án, phán quyết, quyết định chung thẩm của cơ quan tài phán thì được tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị định này.

2. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, văn bản thể hiện ý định khởi kiện, thông báo trọng tài đã được gửi trước ngày Nghị định này có hiệu lực và đang được giải quyết thì được tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị định này.

3. Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện theo nội dung Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký. Trường hợp các bên cần sửa đổi, bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng các quy định tại Nghị định này.

4. Kinh phí triển khai các nhiệm vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ hằng tháng theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 18 của Nghị quyết) từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 được thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Kinh phí triển khai nhiệm vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế năm 2026 được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước đã được giao; trường hợp phát sinh ngoài dự toán, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương chủ động thực hiện trình tự, thủ tục lập dự toán kinh phí bổ sung theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 8 năm 2026.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, công ty con của doanh nghiệp nhà nước được áp dụng quy định tại Chương III, Điều 23, Điều 24 và Điều 27 của Nghị định này trong quá trình giải quyết tranh chấp quốc tế để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị quyết.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thi hành Nghị định này; chủ trì xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Chương III, Chương IV của Nghị định này.

2. Bộ Tài chính chủ trì xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Chương II của Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2). T.T. **14**

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Lê Tiến Châu